TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Cheng Chi F, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 008, thôn T, làng P, huyện V, Đài Loan.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 10 H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2017 nguyên đơn anh Cheng Chi F trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T quen biết nhau qua sự mai mối, sau một thời gian tìm hiểu anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/9/2016. Anh và chị T chung sống với nhau được khoảng một thời ngắn thì anh trở về Đài Loan. Trong thời gian sống chung, anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về ngôn ngữ và thường xuyên cự cãi nhau. Sau khi trở về Đài Loan, mặc dù anh rất muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không thể liên lạc được với

chị T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn xin ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Nay anh yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân, anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 26/7/2017 bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, tháng 4/2015 chị và anh Cheng Chi F quen biết nhau qua sự mai mối của một người chị bà con ở Đài Loan, tìm hiểu nhau được khoảng 04 tháng thì chị và anh Cheng Chi F tiến tới hôn nhân. Anh chị tổ chức lễ cưới vào ngày 16/9/2015, sau đám cưới thì anh chị sống chung với nhau khoảng 01 tháng thì anh Cheng Chi F trở về Đài Loan, thời gian này vợ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Đến tháng 9/2016 anh Cheng Chi F sang Việt Nam thăm chị và anh chị tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/9/2016. Thời gian này vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng ngôn ngữ. Nay chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Cheng Chi F.

Trong quá trình sống chung, giữa anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Cheng Chi F có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Cheng Chi F.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Cheng Chi F và chị Nguyễn Thị Cẩm T đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, anh Cheng Chi F và chị Cẩm T đều xác định anh chị quen biết nhau qua sự mai mối và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ngôn ngữ, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi nhau. Mặc dù, anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng cũng không có khả năng gắn kết. Hiện nay anh chị không còn yêu

thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, anh Cheng Chi F và chị Nguyễn Thị Cẩm T thống nhất ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Cheng Chi F và chị Cẩm T không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cheng Chi F.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Cheng Chi F và chị Cẩm T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Cheng Chi F phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cheng Chi F.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cheng Chi F và chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Cheng Chi F phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (do anh Phạm Minh T nộp thay) theo lai thu số 0005954 ngày 23/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Cheng Chi F có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với chị Nguyễn Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.